Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Cát
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 2**

*Thực hiện từ ngày 16 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 10A1 (Tiến) | | 10A2 (Cúc) | | 10B1 (Thuận) | | 10B2 (Tấn Dũng) | | 10B3 (Cành) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | CĐ (Toán) - Đồng | Sử - Cúc | | Văn - Dũng | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | |
| | 2 | Toán - Đồng | Văn - Dũng | | Lí - Hà | Toán - AnhT | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | Địa - Thuận | |
| | 3 | | Văn - Dũng | | HĐTN-HN - Cúc | Địa - Thuận | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | Toán - Cành | |
| | 4 | | Toán - Đồng | | Sử - Cúc | CĐ (Toán) - AnhT | | Văn - Cường | | Sinh - Nụ | |
| | 5 | | Chào cờ | | Chào cờ | Sinh - Na | | Văn - Cường | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | |
| 3 | 1 | | CĐ(Lí) - Phương | | Văn - Dũng | Sinh - Na | | Văn - Cường | | GDKTPL - Thủy | |
| | 2 | | Hóa - Mùa | | Văn - Dũng | Sinh - Na | | Sinh - Nụ | | Lí - Hà | |
| | 3 | | CN - Tiến | | CN - Di | Lí - Phương | | Sinh - Nụ | | Văn - Cường | |
| | 4 | | CN - Tiến | | CĐ(CN) - Di | Sử - Loan | | Sử - Trang | | Sử - Cúc | |
| | 5 | | HĐTN-HN - Tiến | | Hóa - Mùa | HĐTN-HN - Loan | | | | | |
| 4 | 1 | | CĐ(Lí) - Phương | | Toán - Bé | Sử - Loan | | CĐ (Toán) - Anh (BC) | | Lí - Hà | |
| | 2 | | Hóa - Mùa | | Sử - Cúc | HĐTN-HN - Loan | | Toán - Anh (BC) | | GDKTPL - Thủy | |
| | 3 | | Lí - Phương | | HĐTN-HN - Cúc | Toán - AnhT | | CĐ(Lí) - Huyên | | Sinh - Nụ | |
| | 4 | | Lí - Phương | | CN - Di | Toán - AnhT | | Lí - Huyên | | CĐ(Lí) - Hà | |
| | 5 | | | | Hóa - Mùa | CĐ (Sử) - Loan | | Lí - Huyên | | | |
| 5 | 1 | | Sử - Cúc | | Toán - Bé | Văn - Bích | | Sử - Trang | | CĐ (Sử) - Cúc | |
| | 2 | | CĐ(CN) - Tiến | | Toán - Bé | Văn - Bích | | Địa - Thuận | | Sử - Cúc | |
| | 3 | | HĐTN-HN - Tiến | | CĐ (Toán) - Bé | CĐ(Lí) - Phương | | Địa - Thuận | | CĐ (Toán) - Cành | |
| | 4 | | | | | Lí - Phương | | CĐ (Sử) - Trang | | Toán - Cành | |
| | 5 | | | | | | | | | Toán - Cành | |
| 6 | 1 | | GDKTPL - ThủyBC | | CĐ(Lí) - Hà | GDKTPL - Hùng (GDKTPL-BC) | | Toán - Anh (BC) | | Địa - Thuận | |
| | 2 | | GDKTPL - ThủyBC | | Lí - Hà | GDKTPL - Hùng (GDKTPL-BC) | | Toán - Anh (BC) | | Văn - Cường | |
| | 3 | | Văn - Dũng | | GDKTPL - ThủyBC | Địa - Thuận | | GDKTPL - Hùng (GDKTPL-BC) | | Văn - Cường | |
| | 4 | | Toán - Đồng | | GDKTPL - ThủyBC | Văn - Bích | | GDKTPL - Hùng (GDKTPL-BC) | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | |
| | 5 | | SHL - Tiến | | SHL - Cúc | SHL - Thuận | | SHL - Tấn Dũng | | SHL - Cành | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Cát
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 2**

*Thực hiện từ ngày 16 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 10C1 (Hải) | | 10C2 (Đồng) | | 10C3 (Huyên) | | 11A1 (Cường) | | 11A2 (Mùa) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | | Sử - Trang | | Sinh - Na | | Văn - Cường | | CĐ (Toán) - AnhT | Chào cờ | |
| | 2 | CĐ(Lí) - Phương | Văn - Bích | | Toán - Đồng | | Văn - Cường | | Toán - AnhT | HĐTN-HN - Mùa | |
| | 3 | Lí - Phương | Văn - Bích | Sinh - Na | Toán - Đồng | | CĐ (Toán) - AnhT | | Văn - Cường | HĐTN-HN - Mùa | |
| | 4 | | HĐTN-HN - Hải | Lí - Phương | CN - Tiến | | Lí - Huyên | | Văn - Cường | CĐ (Toán) - Đồng | |
| | 5 | | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | Toán - Đồng | |
| 3 | 1 | | Văn - Bích | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | Địa - Thuận | | HĐTN-HN - Loan | Lí - Phương | |
| | 2 | | CĐ (Toán) - AnhT | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | HĐTN-HN - Huyên | | CĐ(CN) - Tiến | CĐ(Lí) - Phương | |
| | 3 | | Địa - Thuận | | Sử - Loan | | Toán - AnhT | | Hóa - Mùa | Sử - Trang | |
| | 4 | | Sử - Trang | | Lí - Phương | | Toán - AnhT | | Hóa - Mùa | Văn - Cường | |
| | 5 | | Lí - Phương | | Địa - Thuận | | Văn - Cường | | Sử - Loan | Văn - Cường | |
| 4 | 1 | | HĐTN-HN - Hải | | Văn - Dũng | | Toán - AnhT | | HĐTN-HN - Loan | Toán - Đồng | |
| | 2 | | Toán - AnhT | | Lí - Phương | | CN - Hải | | Sử - Loan | Toán - Đồng | |
| | 3 | | Toán - AnhT | | CĐ (Toán) - Đồng | | Sử - Loan | | GDKTPL - Thủy | Lí - Phương | |
| | 4 | | CĐ(CN) - Hải | | Sử - Loan | | Sinh - Tú | | GDKTPL - Thủy | CĐ(Lí) - Phương | |
| | 5 | | | | CĐ(Lí) - Phương | | Sinh - Tú | | | GDKTPL - Thủy | |
| 5 | 1 | | Toán - AnhT | | Địa - Thuận | | CĐ(Lí) - Huyên | | CN - Tiến | GDKTPL - Thủy | |
| | 2 | | CN - Hải | | Văn - Dũng | | Địa - Thuận | | Toán - AnhT | CN - Tiến | |
| | 3 | | Địa - Thuận | | Văn - Dũng | | Lí - Huyên | | Toán - AnhT | CN - Tiến | |
| | 4 | | | | | | | | | CĐ(CN) - Tiến | |
| | 5 | | | | | | | | | Lí - Phương | |
| 6 | 1 | | Lí - Phương | | Sinh - Na | | CN - Hải | Lí - Phương | CN - Tiến | Văn - Cường | |
| | 2 | | Sinh - Na | | CN - Tiến | | HĐTN-HN - Huyên | CĐ(Lí) - Phương | Lí - Phương | Sử - Trang | |
| | 3 | | Sinh - Na | | Toán - Đồng | | CĐ(CN) - Hải | | Lí - Phương | Hóa - Mùa | |
| | 4 | | CN - Hải | | CĐ(CN) - Tiến | | Sử - Loan | | Văn - Cường | Hóa - Mùa | |
| | 5 | | SHL - Hải | | SHL - Đồng | | SHL - Huyên | | SHL - Cường | SHL - Mùa | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Cát
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 2**

*Thực hiện từ ngày 16 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 11A3 (Hà) | | 11B1 (Vinh) | | 11B2 (Lai) | | 11B3 (Trang) | | 11C1 (Na) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | | HĐTN-HN - Hải | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | | | Toán - Đồng |
| | 2 | | Sử - Trang | CĐ (Toán) - Thị Tuyết | | Địa - Hưng | | CĐ(Tin) - Lai | | | CN - Di |
| | 3 | | CN - Hải | HĐTN-HN - Vinh | | Tin - Lai | | Sử - Trang | | | Sinh - Na |
| | 4 | | Lí - Hà | Toán - Thị Tuyết | | Văn - Thanh | | Tin - Lai | | | Sinh - Na |
| | 5 | | Chào cờ | Toán - Thị Tuyết | | | | HĐTN-HN - Lai | | | Chào cờ |
| 3 | 1 | | Toán - AnhT | Tin - Lai | | Toán - Thị Tuyết | | CĐ (Sử) - Trang | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | CĐ(Lí) - Huyên |
| | 2 | | GDKTPL - Thủy | Địa - Hưng | | Toán - Thị Tuyết | | Tin - Lai | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Sinh - Na |
| | 3 | | Sử - Trang | Sinh - Na | | CĐ (Sử) - Loan | | HĐTN-HN - Lai | | | Lí - Huyên |
| | 4 | | Văn - Cường | Văn - AnhV | | Sinh - Nụ | | Toán - Thị Tuyết | | | Văn - Dũng |
| | 5 | | CĐ (Toán) - AnhT | Sử - Cúc | | Địa - Hưng | | GDKTPL - Thủy | | | Văn - Dũng |
| 4 | 1 | | Hóa - Mùa | Sinh - Na | | Văn - Thanh | | Toán - Thị Tuyết | | | Toán - Đồng |
| | 2 | | GDKTPL - Thủy | Văn - AnhV | | Văn - Thanh | | Toán - Thị Tuyết | | | Toán - Đồng |
| | 3 | | CĐ(CN) - Hải | Văn - AnhV | | Sử - Loan | | CĐ (Toán) - Thị Tuyết | | | Hóa - Mùa |
| | 4 | | Toán - AnhT | HĐTN-HN - Vinh | | Sử - Loan | | Sinh - Nụ | | | CĐ (Toán) - Đồng |
| | 5 | | Toán - AnhT | Địa - Hưng | | | | Sinh - Nụ | | | |
| 5 | 1 | | CN - Hải | CĐ(Tin) - Lai | | Toán - Thị Tuyết | | Địa - Thuận | | | Văn - Dũng |
| | 2 | | Hóa - Mùa | Toán - Thị Tuyết | | Tin - Lai | | Sử - Trang | | | Sử - Cúc |
| | 3 | | HĐTN-HN - Hải | CĐ (Sử) - Cúc | | HĐTN-HN - Lai | | GDKTPL - Thủy | | | Hóa - Mùa |
| | 4 | | | Tin - Lai | | CĐ (Toán) - Thị Tuyết | | | | | |
| | 5 | | | Sử - Cúc | | CĐ(Tin) - Lai | | | | | |
| 6 | 1 | | Văn - Cường | Sinh - Na | | GDKTPL - Hương (HVN) | | Văn - Dũng | | | Lí - Huyên |
| | 2 | | Văn - Cường | Sinh - Na | | GDKTPL - Hương (HVN) | | Văn - Dũng | | | CĐ(CN) - Di |
| | 3 | | CĐ(Lí) - Hà | GDKTPL - Hương (HVN) | | Sinh - Nụ | | Văn - Dũng | | | Sử - Cúc |
| | 4 | | Lí - Hà | GDKTPL - Hương (HVN) | | HĐTN-HN - Lai | | Địa - Thuận | | | CN - Di |
| | 5 | | SHL - Hà | SHL - Vinh | | SHL - Lai | | SHL - Trang | | | SHL - Na |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Cát
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 2**

*Thực hiện từ ngày 16 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 11C2 (Trung) | | 11C3 (Di) | | 12A1 (AnhH) | | 12A2 (Nga) | | 12A3 (Bé) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | | Sinh - Tú | | CĐ(CN) - Di | Chào cờ | CĐ (Văn) - AnhV | Chào cờ | CĐ (Toán) - Trung | Chào cờ | CĐ(Lí) - Hà |
| | 2 | | Toán - Trung | | Sinh - Tú | Sử - Nga | Hóa - AnhH | Văn - Thanh | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Hóa - AnhH | Văn - AnhV |
| | 3 | | Toán - Trung | | HĐTN-HN - Di | Hóa - AnhH | CĐ(Lí) - Hà | Sử - Nga | Hóa - AnhH | Toán - Bé | Văn - AnhV |
| | 4 | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | CN - Di | Văn - AnhV | CĐ (Toán) - Trung | CN - Vinh | Hóa - AnhH | Toán - Bé | CĐ (Văn) - AnhV |
| | 5 | | Chào cờ | | Chào cờ | Văn - AnhV | | CN - Vinh | | Sử - Nga | |
| 3 | 1 | | Hóa - Mùa | | HĐTN-HN - Di | HĐTN-HN - AnhH | | Văn - Thanh | | Lí - Hà | |
| | 2 | | CN - Di | | Sử - Loan | Hóa - AnhH | | Văn - Thanh | | GDKTPL - Thủy | |
| | 3 | | Văn - Dũng | | CĐ(Lí) - Thanh Xuân | GDKTPL - Thủy | | Lí - Hà | | CN - Vinh | |
| | 4 | | Lí - Huyên | | Lí - Thanh Xuân | CN - Vinh | | GDKTPL - Thủy | | HĐTN-HN - Khang | |
| | 5 | | CĐ(CN) - Di | | Lí - Thanh Xuân | Lí - Hà | | CN - Vinh | | HĐTN-HN - Khang | |
| 4 | 1 | | CN - Di | | Sinh - Tú | Văn - AnhV | | Toán - Trung | | GDKTPL - Thủy | |
| | 2 | | Sinh - Tú | | CN - Di | Lí - Hà | | Toán - Trung | | CN - Vinh | |
| | 3 | | Văn - Dũng | | Hóa - AnhH | Toán - Trung | | Lí - Hà | | Hóa - AnhH | |
| | 4 | | Văn - Dũng | | Hóa - AnhH | Toán - Trung | | CĐ (Văn) - Thanh | | Toán - Bé | |
| | 5 | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | Văn - Dũng | CN - Vinh | | Hóa - AnhH | | Lí - Hà | |
| 5 | 1 | | Hóa - Mùa | | CĐ (Toán) - Trung | Văn - AnhV | | Toán - Trung | | Sử - Nga | |
| | 2 | | Lí - Huyên | | Toán - Trung | Sử - Nga | | Toán - Trung | | GDKTPL - Thủy | |
| | 3 | | Sử - Cúc | | Toán - Trung | Toán - Trung | | Văn - Thanh | | CĐ (Toán) - Bé | |
| | 4 | | | | | Toán - Trung | | GDKTPL - Thủy | | Văn - AnhV | |
| | 5 | | | | | GDKTPL - Thủy | | Sử - Nga | | Toán - Bé | |
| 6 | 1 | | Sử - Cúc | | Văn - Dũng | Lí - Hà | | GDKTPL - Thủy | | Văn - AnhV | |
| | 2 | | CĐ (Toán) - Trung | | Văn - Dũng | GDKTPL - Thủy | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | Lí - Hà | |
| | 3 | | Toán - Trung | | Sử - Loan | HĐTN-HN - AnhH | | Lí - Hà | | CN - Vinh | |
| | 4 | | CĐ(Lí) - Huyên | | Toán - Trung | CN - Vinh | | CĐ(Lí) - Hà | | Hóa - AnhH | |
| | 5 | | SHL - Trung | | SHL - Di | SHL - AnhH | | SHL - Nga | | SHL - Bé | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Cát
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 2**

*Thực hiện từ ngày 16 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 12B1 (Nụ) | | 12B2 (Hưng) | | 12B3 (Yến) | | 12B4 (AnhV) | | 12C1 (Thanh) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | |
| | 2 | Sinh - Nụ | | Toán - Cành | | Tin - Yến | | Văn - AnhV | | CN - Vinh | |
| | 3 | Sinh - Nụ | | Địa - Hưng | | Tin - Yến | | Văn - AnhV | | Văn - Thanh | |
| | 4 | Sử - Nga | | Địa - Hưng | | Toán - Cành | | Sinh - Na | | Sử - Trang | |
| | 5 | Toán - Bé | | Tin - Yến | | Toán - Cành | | Địa - Hưng | | Sinh - Tú | |
| 3 | 1 | Sinh - Nụ | GDKTPL - Thủy | Tin - Yến | | Địa - Hưng | Sinh - Na | Sử - Nga | GDKTPL - Hằng Nga | HĐTN-HN - Loan | |
| | 2 | Sử - Nga | HĐTN-HN - Nụ | Văn - Bích | CĐ (Văn) - Bích | HĐTN-HN - Yến | GDKTPL - Hằng Nga | CĐ (Văn) - AnhV | CĐ(Tin) - Yến | HĐTN-HN - Loan | Lí - Phương |
| | 3 | Địa - Hưng | HĐTN-HN - Nụ | Văn - Bích | GDKTPL - Thủy | Sử - Nga | CĐ(Tin) - Yến | Văn - AnhV | Toán - Thị Tuyết | Hóa - AnhH | Lí - Phương |
| | 4 | Địa - Hưng | CĐ(Tin) - Yến | Sử - Nga | GDKTPL - Thủy | Sinh - Na | CĐ (Toán) - Cành | Tin - Yến | Toán - Thị Tuyết | Sinh - Tú | |
| | 5 | Văn - Thanh | | CĐ(Tin) - Yến | CĐ (Toán) - Cành | Văn - AnhV | | Sinh - Na | CĐ (Toán) - Thị Tuyết | | |
| 4 | 1 | Toán - Bé | | Sinh - Nụ | | Địa - Hưng | | GDKTPL - Hằng Nga | | CN - Vinh | |
| | 2 | Toán - Bé | | Sinh - Nụ | | Sinh - Na | | GDKTPL - Hằng Nga | | Lí - Phương | CĐ (Toán) - Bé |
| | 3 | Địa - Hưng | | GDKTPL - Thủy | | GDKTPL - Hằng Nga | | Sinh - Na | | Văn - Thanh | Toán - Bé |
| | 4 | GDKTPL - Thủy | | Địa - Hưng | | GDKTPL - Hằng Nga | | Sinh - Na | | Sinh - Tú | Toán - Bé |
| | 5 | CĐ (Toán) - Bé | | Toán - Cành | | CĐ (Văn) - AnhV | | Toán - Thị Tuyết | | CĐ (Văn) - Thanh | Hóa - AnhH |
| 5 | 1 | Toán - Bé | | Toán - Cành | | HĐTN-HN - Yến | Sinh - Na | HĐTN-HN - Hạnh | | CĐ(Lí) - Phương | |
| | 2 | Tin - Yến | | Toán - Cành | | Văn - AnhV | Sinh - Na | HĐTN-HN - Hạnh | | Lí - Phương | |
| | 3 | Tin - Yến | | Văn - Bích | | Văn - AnhV | | Sử - Nga | | CN - Vinh | |
| | 4 | Văn - Thanh | | HĐTN-HN - Hạnh | | Sử - Nga | | Tin - Yến | | Toán - Bé | |
| | 5 | Văn - Thanh | | HĐTN-HN - Hạnh | | Tin - Yến | | Toán - Thị Tuyết | | Sử - Trang | |
| 6 | 1 | Văn - Thanh | | Tin - Yến | | Toán - Cành | | Địa - Hưng | | Hóa - AnhH | |
| | 2 | Tin - Yến | | Sinh - Nụ | | Toán - Cành | | Địa - Hưng | | Văn - Thanh | |
| | 3 | GDKTPL - Thủy | | Văn - Bích | | Địa - Hưng | | Văn - AnhV | | Văn - Thanh | |
| | 4 | CĐ (Văn) - Thanh | | Sử - Nga | | Văn - AnhV | | Tin - Yến | | Toán - Bé | |
| | 5 | SHL - Nụ | | SHL - Hưng | | SHL - Yến | | SHL - AnhV | | SHL - Thanh | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Cát
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 2**

*Thực hiện từ ngày 16 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 12C2 (Tú) | | 12C3 (Thanh Xuân) | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | | Chào cờ | | | | | | | |
| | 2 | Lí - Thanh Xuân | | Sinh - Tú | | | | | | | |
| | 3 | Sinh - Tú | | Lí - Thanh Xuân | | | | | | | |
| | 4 | Hóa - AnhH | | Lí - Thanh Xuân | | | | | | | |
| | 5 | Sử - Trang | | Văn - Thanh | | | | | | | |
| 3 | 1 | CĐ (Văn) - Bích | | Sinh - Tú | | | | | | | |
| | 2 | HĐTN-HN - Tú | | Sử - Trang | | | | | | | |
| | 3 | Toán - Thị Tuyết | | CĐ (Văn) - Thanh | | | | | | | |
| | 4 | Văn - Bích | | Văn - Thanh | | | | | | | |
| | 5 | Văn - Bích | | Hóa - AnhH | | | | | | | |
| 4 | 1 | Hóa - AnhH | Lí - Thanh Xuân | Toán - Cành | | | | | | | |
| | 2 | Sinh - Tú | Lí - Thanh Xuân | Toán - Cành | Hóa - AnhH | | | | | | |
| | 3 | HĐTN-HN - Tú | Sinh - Tú | CĐ (Toán) - Cành | CĐ(Lí) - Thanh Xuân | | | | | | |
| | 4 | Toán - Thị Tuyết | Toán - Thị Tuyết | Hóa - AnhH | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | | | | | |
| | 5 | | Toán - Thị Tuyết | Sinh - Tú | Lí - Thanh Xuân | | | | | | |
| 5 | 1 | CN - Phát | | Văn - Thanh | | | | | | | |
| | 2 | CN - Phát | | Văn - Thanh | | | | | | | |
| | 3 | CĐ (Toán) - Thị Tuyết | | Sử - Trang | | | | | | | |
| | 4 | Văn - Bích | | CN - Phát | | | | | | | |
| | 5 | Văn - Bích | | CN - Phát | | | | | | | |
| 6 | 1 | CN - Phát | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | | | | | | |
| | 2 | Hóa - AnhH | | CN - Phát | | | | | | | |
| | 3 | Sử - Trang | | Toán - Cành | | | | | | | |
| | 4 | CĐ(Lí) - Thanh Xuân | | Toán - Cành | | | | | | | |
| | 5 | SHL - Tú | | SHL - Thanh Xuân | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |